

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 HUYỆN NÔNG SƠN

Cấu trúc biểu:

A. Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

B. Công trình, dự án cấp huyện

B.1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất đã được thông qua tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 17/12/2019

B.1.1. Dự án thuộc ngân sách Nhà nước

B.1.2. Dự án ngoài ngân sách Nhà nước

B.2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất

B.3. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh

B.3.1. Công trình, dự án thông quan tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 17/12/2019

B.3.2. Công trình, dự án thông quan tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 6/12/2018

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	2019 chuyển sang	Ghi chú
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																				
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	SON	BCS	DCS						
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)
Σ	TỔNG CỘNG (=A+B)	151,79	66,07	85,72	0,05	10,40	7,39	10,48	1,91	45,80	0,05	0,22	0,15	1,79	0,15	0,72	1,44	3,22	1,95						
A	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																								
B	Công trình, dự án cấp huyện	151,79	66,07	85,72	0,05	10,40	7,39	10,48	1,91	45,80	0,05	0,22	0,15	1,79	0,15	0,72	1,44	3,22	1,95						
B.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất đã được thông qua tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 17/12/2019	111,32	44,84	66,48	0,05	7,52	6,77	8,08	1,91	34,05	0,03	0,07	0,15	1,79	0,15	0,72	1,41	1,88	1,90						
B.1.1	Dự án thuộc ngân sách Nhà nước	95,13	44,84	50,29	0,05	6,13	6,51	7,96		25,61	0,01	0,07	0,15	1,75	0,15	0,72	0,40	0,68	0,10						
SKN	Đất cụm công nghiệp	6,25		6,25		1,40	1,50	1,00		1,75				0,10		0,50									
1	Cụm Công nghiệp Nông Sơn	6,25		6,25		1,40	1,50	1,00		1,75				0,10		0,50				Quế Trung	Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách tỉnh	Tờ bản đồ số 15	chuyển tiếp 2019	
DGT	Đất giao thông	73,34	44,64	28,70	0,05	2,60	3,90	5,05		14,25			0,15	1,60	0,15	0,05	0,20	0,60	0,10						
2	Đường giao thông nối từ đường ĐH1-NS đến Trung tâm xã Quế Ninh	2,70		2,70		0,40	0,80	0,50		0,50							0,20	0,30		Quế Ninh	Chủ trương của UBND huyện	Ngân sách nhà nước	Tờ bản đồ số 5, 6	chuyển tiếp 2019	
3	Đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	2,00		2,00		0,50				1,40									0,10	Phước Ninh	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND huyện Nông Sơn về phê duyệt báo cáo KT-KT công trình đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	Ngân sách huyện			
4	Đường giao thông vào Hố Cái thôn Trung Hạ	1,00		1,00		0,20		0,10		0,70										Quế Trung	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện			
5	Bến dò Trung Phước và đường dẫn	0,60		0,60				0,30						0,15		0,15				Quế Trung	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/11/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện			
6	Nâng cấp đường Trung tâm thôn Đại Bình	2,50		2,50			0,30	1,50						0,70						Quế Trung	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện			
7	Cầu Nông Sơn và đường nối từ cầu Nông Sơn đến đường Trường Sơn Đông. Hạng mục: Cầu Nông Sơn và đường dẫn vào cầu (giai đoạn 1)-(bổ sung)	0,30		0,30						0,30										Quế Trung	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu Nông Sơn và đường nối từ cầu Nông Sơn đến đường Trường Sơn Đông. Hạng mục: Cầu Nông Sơn và đường dẫn vào cầu (giai đoạn 1)	Ngân sách tỉnh			
8	Nâng cấp cầu Mai Rùa Quế Phước	0,50		0,50			0,50													Quế Phước	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện			
9	Đường Trường Sơn Đông	44,64	44,64																	Phước Ninh; Quế Lâm	Quyết định số 131/QĐ-BQP ngày 23/01/2006 của Bộ Quốc Phòng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường Trường Sơn Đông	Huy động trái phiếu Chính phủ		Giao đất theo hiện trạng	Quế Ninh: 25,03 ha; Quế Lâm: 19,61 ha)

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	2019 chuyển sang	Ghi chú	
				Sử dụng vào loại đất																						
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	SON	BCS	DCS							
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)	
10	Đường giao thông Mậu Long - Quế Ninh đến Đông An - Quế Phước	5,50		5,50		0,65		0,20		4,65										Quế Ninh; Quế Phước	Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư công trình giao thông Mậu Long - Quế Ninh đến Đông An - Quế Phước	Ngân sách huyện	Tờ bản đồ số 1,8,12	chuyển tiếp 2019		
11	Cầu Nông Sơn	1,65		1,65			1,00	0,25						0,40						Quế Trung	Công văn số 223/HĐND-VP ngày 18/9/2018 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án và đường nối từ cầu Nông Sơn đến đường Trường Sơn Đông, hạng mục: Cầu Nông Sơn và đường dẫn vào cầu (giai đoạn 1)	Ngân sách nhà nước	Tờ bản đồ số 15	chuyển tiếp 2019		
12	Đường nội thị Trung tâm huyện (bổ sung)	6,80		6,80		0,50	0,60	1,00		4,20				0,50						Quế Trung	Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường nội thị Trung tâm huyện Nông Sơn	Ngân sách tỉnh	Tờ bản đồ số 14, 16	chuyển tiếp 2019		
13	Đường bao làng du lịch sinh thái Đại Bình	3,15		3,15		0,35	0,60	0,80		1,20								0,20		Quế Trung	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách tỉnh và huyện	Tờ bản đồ số 4, 5	chuyển tiếp 2019		
14	Nâng cấp đường từ ĐT611 đến trường Mẫu giáo Hồ Môn	2,00		2,00	0,05		0,10	0,40		1,30						0,05		0,10		Quế Trung	Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND huyện Nông Sơn giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ngân sách huyện	tờ bản đồ số 10, 12	chuyển tiếp 2019		
DTL	Đất thủy lợi	0,50		0,50						0,30								0,20								
15	Nước tự chảy thôn Bình Yên	0,50		0,50						0,30								0,20		Phước Ninh	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện				
DGD	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	0,56		0,56			0,03			0,50						0,03										
16	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	0,50		0,50						0,50										Quế Trung	Quyết định số 4390/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND huyện Nông Sơn	Vốn nông thôn mới	Tờ bản đồ số 9	chuyển tiếp 2019		
17	Nâng cấp trường Mẫu giáo Phước Ninh-phân hiệu Bình Yên	0,03		0,03			0,03													Phước Ninh	Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện	tờ bản đồ số 3	chuyển tiếp 2019		
18	Nâng cấp trường Mẫu giáo Quế Ninh-phân hiệu Ninh Khánh	0,03		0,03											0,03					Quế Ninh	Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện	Tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019		
DTT	Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,60		0,60			0,60																			
19	Khu thể thao trung tâm xã	0,60		0,60			0,60													Phước Ninh	Nông thôn mới	Ngân sách huyện	Tờ bản đồ số 10	chuyển tiếp 2019		
DVH	Đất cơ sở văn hóa	0,20		0,20			0,08									0,05		0,07								
20	Nhà bia tường niệm ghi tên các anh hùng liệt sỹ	0,20		0,20			0,08									0,05		0,07		Phước Ninh	Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 8/11/2018 của UBND huyện phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình	Ngân sách huyện	tờ bản đồ số 10	chuyển tiếp 2019		
ONT	Đất ở tại nông thôn	4,14	0,20	3,94		1,83	0,40	1,07		0,48	0,01	0,07						0,07	0,01							
21	Khu dân cư số 1 (bổ sung)	0,20	0,10	0,10				0,10												Quế Trung	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 8/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v phê duyệt dự án đầu tư công trình: Khu dân cư số 1	Ngân sách nhà nước	Tờ bản đồ số 15	chuyển tiếp 2019		
22	Khu dân cư xã Sơn Viên	0,90		0,90		0,50	0,40													Sơn Viên	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới của xã Sơn Viên (giai đoạn 2015-2020)	Vốn nông thôn mới	Tờ bản đồ số 5 và số 14	chuyển tiếp 2019	Tên trong NQ40: Khai thác quỹ đất tạo nguồn thu phục vụ nông thôn mới	
23	Khu dân cư tập trung Truôn Trao tại thôn Ninh Khánh, xã Quế Ninh	0,83		0,83		0,50		0,33												Quế Ninh	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch Nông thôn mới kết hợp rà soát quy hoạch sắp xếp, bố trí dân cư gắn với xây dựng Nông thôn mới xã Quế Ninh	Vốn nông thôn mới	Tờ bản đồ số 7			
24	Khu tái định cư số 2	2,21	0,10	2,11		0,83		0,64		0,48	0,01	0,07				0,07		0,01		Quế Trung	Công văn số 3169/UBND-KTN ngày 5/6/2019 của HĐND tỉnh về bổ sung danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Nông Sơn, Phước Sơn; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân	Ngân sách huyện	Tờ bản đồ số 8	chuyển tiếp 2019		

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	2019 chuyển sang	Ghi chú	
				Sử dụng vào loại đất																						
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	SON	BCS	DCS							
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)	
																						huyện Nông Sơn về thống nhất chủ trương đầu tư dự án cấp thiết năm 2019; Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt báo cáo KT-KT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Khu tái định cư số 2				
	TSC Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,04		1,04				0,84		0,13				0,05		0,02										
25	Trụ sở UBND xã Quế Ninh (Giai đoạn 2)	1,04		1,04				0,84		0,13				0,05		0,02					Quế Ninh	Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình	Ngân sách huyện	Tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019	
	NTD Đất nghĩa trang, nghĩa địa	8,50		8,50		0,30				8,20																
26	Xây dựng nghĩa trang nhân dân	4,50		4,50						4,50											Quế Lâm	Nông thôn mới	Vốn nông thôn mới	Tờ bản đồ số 3	chuyển tiếp 2019	
27	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Quế Trung	4,00		4,00		0,30				3,70											Quế Trung	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện			
B.1.2	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước	16,19		16,19		1,39	0,26	0,12	1,91	8,44	0,02			0,04				1,01	1,20	1,80						
	SKS Đất khai thác khoáng sản	5,80		5,80						5,80																
28	Khai trường khai thác than	3,10		3,10						3,10											Quế Trung	Giấy chứng nhận đầu tư số 10/CN-UBND ngày 31/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam cấp	Vốn doanh nghiệp	Tờ bản đồ số 1	chuyển tiếp 2019	
29	Khai trường khai thác than	2,70		2,70						2,70											Phước Ninh	Giấy chứng nhận đầu tư số 10/CN-UBND ngày 31/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam cấp	Vốn doanh nghiệp	Tờ bản đồ số 2	chuyển tiếp 2019	
	DNL Đất công trình năng lượng	10,39		10,39		1,39	0,26	0,12	1,91	2,64	0,02			0,04				1,01	1,20	1,80						
30	Đầu tư hệ thống băng tải cấp than cho nhà máy nhiệt điện Nông Sơn	1,70		1,70		0,50	0,10	0,08		0,50	0,02								0,50		Quế Trung		Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019	
31	Đầu tư hệ thống băng tải xi nhà máy nhiệt điện Nông Sơn	1,24		1,24		0,30	0,10	0,04		0,30									0,50		Quế Trung		Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019	
32	Nhà máy thủy điện Khe Diên (hạng mục: Xây dựng TBA và đầu nối đường dây 110KV)	1,00		1,00		0,50				0,30									0,20		Quế Trung	Công văn số 154/18/S3-QLDA ngày 09/5/2018 của Công ty cổ phần Sông Ba	Công ty cổ phần Sông Ba	tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019	
33	Thủy điện Tầm Phục	4,39		4,39					1,58									1,01		1,80	Phước Ninh	Quyết định 3653/QĐ-UBND ngày 2/11/2016 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư	Vốn doanh nghiệp	Tờ bản đồ số 2	chuyển tiếp 2019	
34	Đường dây 500KV Quảng Trạch – Dốc Sỏi và Trạm lập quang, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Quảng Nam	2,06		2,06		0,09	0,06		0,33	1,54				0,04							Quế Phước, Phước Ninh, Quế Ninh và Quế Lâm	Nghị Quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Tờ bản đồ số 17, 18	chuyển tiếp 2019	
B.2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	33,47	21,23	12,24			0,26	2,40		8,39								0,03	1,11	0,05						
	HNK Đất trồng cây hàng năm khác	17,12	17,12																							
35	Cho thuê đất công ích để sản xuất nông nghiệp (Thửa: 13, 14, 18, 19, 403, 471, 534, 535, 536 tờ bản đồ số 1; các thửa: 153, 154, 162 tờ bản đồ số 2; các thửa: 167, 168, 169, 170, 97, 96, 511 tờ bản đồ số 3; các thửa: 173, 139, 140 tờ bản đồ số 4; các thửa: 212, 161, 171, 172 tờ bản đồ số 5; các thửa: 67, 370, 284, 426 tờ bản đồ số 9; các thửa: 484, 488, 496, 169, 224, 254,	17,12	17,12																		Phước Ninh	Theo Khoản 4, Điều 132, Luật Đất đai 2013 Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định việc tổ chức thực hiện quyền đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.	Hộ gia đình, cá nhân			

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	2019 chuyển sang	Ghi chú			
				Sử dụng vào loại đất																								
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	SON	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)			
	255, 147, 399, 503 tờ bản đồ số 10; các thửa: 535, 257, 479, 465 tờ bản đồ số 13; các thửa: 1, 2, 4, 139 tờ bản đồ số 12)																											
RSX	Đất rừng sản xuất	4,00	4,00																									
36	Dự án trồng và chế biến dược liệu (trồng dưới tán rừng sản xuất)	4,00	4,00																		Sơn Viên	Chủ trương của UBND huyện	Vốn doanh nghiệp	Tờ bản đồ số 1	chuyển tiếp 2019			
TMD	Đất thương mại, dịch vụ	0,03		0,03																								
37	Bến thủy nội địa Tây Nông Sơn	0,03		0,03																	Quế Trung	Công văn số 2376/SGTVT-QLHTGT ngày 10/9/2018 của Sở GTVT v/v chấp thuận chủ trương mở bến thủy nội địa tại xã Quế Trung, huyện Nông Sơn	Vốn doanh nghiệp	Tờ bản đồ số 8	chuyển tiếp 2019			
SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	9,50		9,50				1,00		8,25																		
38	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	1,00		1,00				1,00													Quế Lâm		Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Tờ bản đồ số 3	chuyển tiếp 2019			
39	Bãi tập kết và trung chuyển đá xít (đá than thái sàng)	0,50		0,50						0,25											Quế Trung	Nhu cầu của Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ số 2	chuyển tiếp 2019			
40	Bãi thải đất đá	6,10		6,10						6,10											Quế Trung	Quyết định số 2308/QĐ-UBND-BTNMT ngày 08/12/2010 của Bộ TNMT	Vốn chủ sở hữu và vay thương mại	Tờ bản đồ số 1	chuyển tiếp 2019			
41	Bãi thải đất đá	1,90		1,90						1,90											Phước Ninh	Quyết định số 2308/QĐ-UBND-BTNMT ngày 08/12/2010 của Bộ TNMT	Vốn chủ sở hữu và vay thương mại	Tờ bản đồ số 2	chuyển tiếp 2019			
SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,10		0,10																								
42	Bãi tập kết cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (bổ sung)	0,04		0,04																	Quế Trung		Công ty CP XD, TM&DV Tây Nông Sơn	Tờ bản đồ số 8	chuyển tiếp 2019			
43	Bến trung chuyển cát sạn Tây Nông Sơn	0,06		0,06																	Quế Trung		Công ty CP XD, TM&DV Tây Nông Sơn	Tờ bản đồ số 8	chuyển tiếp 2019			
ONT	Đất ở nông thôn	2,72	0,11	2,61				0,26	1,40	0,14																		
44	Giao đất ở xen kẽ trong khu dân cư (thửa 519, tờ bản đồ số 01, tại thôn Trung An; thửa 53, tờ bản đồ số 15, tại thôn Trung Hạ; thửa 724, 643 tờ bản đồ số 12, thửa 1061 tờ bản đồ số 14 tại thôn Phước Viên)	0,16	0,02	0,14				0,06													Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân					
45	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân tại khu Dương Cây Tàng (sát nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Viên)	0,04		0,04																	Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	tờ bản đồ số 14				
46	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân tại khu dân cư sát Trung tâm Y tế huyện	0,09	0,09																		Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	tờ bản đồ số 13				
47	Giao đất ở xen kẽ trong khu dân cư (thửa 435, tờ bản đồ số 10 khu dân cư Mù U; thửa 95 và 134, tờ bản đồ số 4, khu tái định cư Xuân Hòa)	0,07		0,07			0,02														0,05	Phước Ninh	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân				
48	Giao đất ở xen kẽ trong khu dân	0,02		0,02																		0,02	Sơn Viên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014	Hộ gia đình, cá			

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	2019 chuyển sang	Ghi chú		
				Sử dụng vào loại đất																							
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	SON	BCS	DCS								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)		
	cur (thửa 180, tờ bản đồ số 06 thôn Phước Bình)																					của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	nhân				
49	Giao đất ở tại khu vực Hóc Tý, thôn Lộc Đông	0,62		0,62																	0,62	Quế Lộc	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ 17		
50	Chuyển mục đích sử dụng đất (có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất sang đất ở)	0,20		0,20				0,20														Phước Ninh	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân			
51	Chuyển mục đích sử dụng đất (có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất sang đất ở)	0,20		0,20				0,20														Quế Lâm	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân			
52	Chuyển mục đích sử dụng đất (có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất sang đất ở)	0,20		0,20				0,20														Quế Lộc	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân			
53	Chuyển mục đích sử dụng đất (thửa đất 94, tờ bd số 3)	0,10		0,10						0,10												Quế Lâm	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ 3		
54	Chuyển mục đích sử dụng đất (có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất sang đất ở)	0,20		0,20				0,20														Quế Ninh	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân			
55	Chuyển mục đích sử dụng đất (có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất sang đất ở)	0,20		0,20			0,10	0,10														Quế Phước	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân			
56	Chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư (thửa 612 tờ bản đồ số 6, thôn Phú Gia 1)	0,04		0,04						0,04												Quế Phước	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ 6		
57	Chuyển mục đích sử dụng đất (có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất sang đất ở)	0,30		0,30				0,30														Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân			
58	Chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư (các thửa 1008, 1009 tờ bản đồ số 13 thôn Trung Phước 1; thửa 346 tờ bản đồ số 04 thôn Đại Bình)	0,08		0,08			0,08															Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	tờ bản đồ số 13		
59	Chuyển mục đích sử dụng đất (có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất sang đất ở)	0,20		0,20				0,20														Sơn Viên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân			

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	2019 chuyển sang	Ghi chú			
				Sử dụng vào loại đất																								
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	SON	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)			
B.3	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh	54,73	0,10	54,63	0,05	10,40	4,62	5,09	1,91	25,88	0,05	0,22			0,64		0,62	1,21	2,04	1,90								
B.3.1	Công trình, dự án thông quan tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 17/12/2019	21,43	0,10	21,33		5,21	0,36	1,07	1,58	9,64	0,03	0,22					0,07	1,01	0,24	1,90								
*	Đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	2,00		2,00		0,50				1,40										0,10	Phước Ninh	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND huyện Nông Sơn về phê duyệt báo cáo KT-KT công trình đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	Ngân sách huyện					Thu hồi đất theo NQ37
*	Đường giao thông vào Hồ Cái thôn Trung Hạ	1,00		1,00		0,20		0,10		0,70											Quế Trung	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện					Thu hồi đất theo NQ37
*	Khu dân cư tập trung Truôn Trao tại thôn Ninh Khánh, xã Quế Ninh	0,83		0,83		0,50		0,33													Quế Ninh	Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch Nông thôn mới kết hợp rà soát quy hoạch sắp xếp, bố trí dân cư gắn với xây dựng Nông thôn mới xã Quế Ninh	Vốn nông thôn mới	Tờ bản đồ số 7			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Khu tái định cư số 2	2,21	0,10	2,11		0,83		0,64		0,48	0,01	0,07					0,07		0,01		Quế Trung	Công văn số 3169/UBND-KTN ngày 5/6/2019 của HĐND tỉnh về bổ sung danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Nông Sơn, Phước Sơn; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Nông Sơn về thống nhất chủ trương đầu tư dự án cấp thiết năm 2019; Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt báo cáo KT-KT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Khu tái định cư số 2	Ngân sách huyện	Tờ bản đồ số 8	chuyển tiếp 2019	Thu hồi đất theo NQ37		
*	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Quế Trung	4,00		4,00		0,30				3,70											Quế Trung	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện					Thu hồi đất theo NQ37
*	Thủy điện Tầm Phục	4,39		4,39					1,58										1,01	1,80	Phước Ninh	Quyết định 3653/QĐ-UBND ngày 2/11/2016 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư	Vốn doanh nghiệp	Tờ bản đồ số 2	chuyển tiếp 2019	Thu hồi đất theo NQ37		
60	Cho thuê đất công ích để sản xuất nông nghiệp	1,87		1,87		1,87															Phước Ninh	Theo Khoản 4, Điều 132, Luật Đất đai 2013 Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định việc tổ chức thực hiện quyền đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.	Hộ gia đình, cá nhân	Thửa: 104, 163, 176, 177, 200 tờ bản đồ số 3; các thửa: 141, 142, 143, 57 tờ bản đồ số 4; các thửa: 139, 169 tờ bản đồ 9			Không thu hồi đất	
61	Nhà máy sản xuất chế biến gỗ, nguyên liệu giấy Nhất Hưng Nông Sơn	3,87		3,87		0,01	0,18			3,36	0,02	0,15							0,15		Quế Trung	Thông báo số 281/TB-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về thỏa thuận nghiên cứu lập thủ tục đầu tư dự án Nhà máy chế biến gỗ rừng tại xã Quế Trung, huyện Nông Sơn	Vốn doanh nghiệp	tờ bản đồ số 2			Không thu hồi đất	
62	Giao đất ở tại khu vực ngõ ông Hai, thôn Lộc Đông	0,14		0,14		0,14															Quế Lộc	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ 9			Không thu hồi đất	
63	Giao đất ở tại khu vực Hương Hòa, thôn Lộc Tây	0,22		0,22		0,10	0,06												0,06		Quế Lộc	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ 10			Không thu hồi đất	
64	Giao đất ở tại khu vực Hóc Dừa, thôn Tân Phong	0,28		0,28		0,28															Quế Lộc	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ 14			Không thu hồi đất	

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	2019 chuyển sang	Ghi chú			
				Sử dụng vào loại đất																								
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	SON	BCS	DCS									
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(25)	(26)	(27)			
65	Giao đất ở tại khu vực Hóc Ông Hãn, thôn Lộc Đông	0,11		0,11			0,09												0,02	Quế Lộc	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ 17			Không thu hồi đất		
66	Chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư (các thửa 641, 642 tờ bản đồ số 10; các thửa 774, 771, 934, 936, 938 tờ bản đồ số 17)	0,31		0,31		0,24	0,07													Quế Lộc	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân				Không thu hồi đất		
67	Chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư (các thửa 312, 313, 381 277 tờ bản đồ số 23; các thửa 213, 214 tờ bản đồ số 25; thửa 141 tờ bản đồ số 3)	0,20		0,20		0,15	0,05													Sơn Viên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân				Không thu hồi đất		
B.3.2	Công trình, dự án thông quan tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 6/12/2018	33,30		33,30	0,05	5,19	4,26	4,02	0,33	16,24	0,02							0,64										
*	Cụm Công nghiệp Nông Sơn	6,25		6,25		1,40	1,50	1,00		1,75								0,10	0,50	Quế Trung	Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách tỉnh	Tờ bản đồ số 15	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Đường giao thông nối từ đường ĐH1-NS đến Trung tâm xã Quế Ninh	2,70		2,70		0,40	0,80	0,50		0,50								0,20	0,30	Quế Ninh	Chủ trương của UBND huyện	Ngân sách nhà nước	Tờ bản đồ số 5, 6	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Đường giao thông Mậu Long - Quế Ninh đến Đông An - Quế Phước	5,50		5,50		0,65		0,20		4,65										Quế Ninh; Quế Phước	Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư công trình giao thông Mậu Long - Quế Ninh đến Đông An - Quế Phước	Ngân sách huyện	Tờ bản đồ số 1,8,12	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Đường nội thị Trung tâm huyện (bổ sung)	6,80		6,80		0,50	0,60	1,00		4,20				0,50						Quế Trung	Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường nội thị Trung tâm huyện Nông Sơn	Ngân sách tỉnh	Tờ bản đồ số 14, 16	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Đường bao làng du lịch sinh thái Đại Bình	3,15		3,15		0,35	0,60	0,80		1,20								0,20		Quế Trung	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách tỉnh và huyện	Tờ bản đồ số 4, 5	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Nâng cấp đường từ ĐT611 đến trường Mẫu giáo Hồ Môn	2,00		2,00	0,05		0,10	0,40		1,30								0,05	0,10	Quế Trung	Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND huyện Nông Sơn giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ngân sách huyện	tờ bản đồ số 10, 12	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Đường dây 500KV Quảng Trạch – Dốc Sỏi và Trạm lập quang, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Quảng Nam	2,06		2,06		0,09	0,06		0,33	1,54				0,04						Quế Phước, Phước Ninh, Quế Ninh và Quế Lâm	Nghị Quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Tờ bản đồ số 17, 18	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Khu dân cư xã Sơn Viên	0,90		0,90		0,50	0,40													Sơn Viên	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới của xã Sơn Viên (giai đoạn 2015-2020)	Vốn nông thôn mới	Tờ bản đồ số 5 và số 14	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37; Tên trong NQ40: Khai thác quỹ đất tạo nguồn thu phục vụ nông thôn mới	
*	Đầu tư hệ thống băng tải cấp than cho nhà máy nhiệt điện Nông Sơn	1,70		1,70		0,50	0,10	0,08		0,50	0,02								0,50	Quế Trung		Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Đầu tư hệ thống băng tải xi nhà máy nhiệt điện Nông Sơn	1,24		1,24		0,30	0,10	0,04		0,30									0,50	Quế Trung		Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	
*	Nhà máy thủy điện Khe Diên (hạng mục: Xây dựng TBA và đầu nối đường dây 110KV)	1,00		1,00		0,50				0,30									0,20	Quế Trung	Công văn số 154/18/S3-QLDA ngày 09/5/2018 của Công ty cổ phần Sông Ba	Công ty cổ phần Sông Ba	tờ bản đồ số 7	chuyển tiếp 2019			Thu hồi đất theo NQ37	

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN NÔNG SƠN

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2019	Chu chuyển đất đai trong năm 2020																																Cộng giảm	Diện tích cuối năm 2020
				NNP	LUA	LUC	HNK	CLN	RPH	RDD	RSX	NTS	NKH	PNN	CQP	CAN	SKN	TMD	SKC	SKS	DHT	DRA	ONT	TSC	DTS	TON	NTD	SKX	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		47.163,64																															79,38	47.163,64		
1	Đất nông nghiệp	NNP	43.087,62	43.011,54		1,87								74,21		5,65		12,82	5,80	33,70		6,77	0,97			8,50							74,21	43.013,41			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.315,19		1.304,74	1,87								8,58		1,40		0,01		4,04	2,83					0,30							8,58	1.306,61			
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	749,81			749,76								0,05						0,05													0,05	751,63			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	945,70				938,31							7,39		1,50		0,18		4,87	0,84												7,39	938,31			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.972,54					2.962,06						10,48		1,00		1,00		5,17	2,47	0,84											10,48	2.962,06			
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10.925,21						10.923,30					1,91						1,91													1,91	10.923,30			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	16.647,04							16.647,04																									16.647,04		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	10.273,69								10.227,89			45,80		1,75		11,61	5,80	17,69	0,62	0,13				8,20							45,80	10.227,89			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	8,19									8,14		0,05				0,02		0,02	0,01												0,05	8,14			
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,06										0,06																						0,06		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.559,54											2.599,86		0,60	0,03	0,15		3,33	0,14	0,07												2.638,92			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	162,51											162,51																					162,51		
2.2	Đất an ninh	CAN	1,45												1,45																				1,45		
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	5,56													5,56																			5,56		
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,50														0,50																		0,50		
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông NN	SKC	1,03															1,03																	1,03		
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	112,65																	112,65															112,65		
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	976,00											0,37				0,15		1.020,42	0,07												0,22	1.016,58			
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,50																		2,50														2,50		
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	321,56											1,79		0,10				1,64	319,77	0,05											1,79	327,58			
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,38											0,15						0,15			8,23										0,15	9,27			
2.11	Đất trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	1,79																					1,79											1,79		
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,37																						1,37										1,37		
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	104,48											0,72		0,50				0,13	0,07	0,02				103,76							0,72	112,26			
2.14	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX																																	0,10		
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,13																									4,13							4,13		
2.16	Đất khu vui chơi, giải trí CC	DKV	1,34																										1,34						1,34		
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,24																											2,24					2,24		
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	733,45											1,44			0,03			1,41												732,01	1,44	732,01			
2.19	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	118,60																													118,60			118,60		
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	1.516,48											5,17				0,40		3,77	0,90					0,10						1.511,31	5,17	1.511,31			
	Cộng tăng		79,38			1,87								79,38		6,25	0,03	13,37	5,80	40,80	7,81	1,04			8,50	0,10											
	Diện tích cuối năm 2020		47.163,64	43.013,41	1.306,61	751,63	938,31	2.962,06	10.923,30	16.647,04	10.227,89	8,14	0,06	2.638,92	162,51	1,45	11,81	0,53	14,40	118,45	1.016,58	2,50	327,58	9,27	1,79	1,37	112,26	0,10	4,13	1,34	2,24	732,01	118,60	1.511,31			

--- Hết ---